

ĐẶC TRƯNG VÀ NỘI HÀM CỦA THỂ CHẾ KINH TẾ THEO MÔ HÌNH TRUNG QUỐC

GS. TRẦN ÂN PHÚ

*Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác
Viện Khoa học xã hội Trung Quốc*

I. LỜI NÓI ĐẦU: PHẢI PHÂN BIỆT RÕ 2 HÀM NGHĨA CỦA MÔ HÌNH KINH TẾ

Thành tựu vĩ đại trong phát triển kinh tế xã hội của Trung Quốc khiến cả thế giới phải chú ý. Tổng lượng phát triển kinh tế GDP của Trung Quốc năm 2008 đã vượt lên đứng vị trí thứ 3 trên thế giới, chỉ xếp sau Mỹ và Nhật Bản. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt lên đứng thứ 3 thế giới, chỉ sau Mỹ và Đức. Dự trữ ngoại tệ đứng đầu thế giới. Đặc biệt là, kinh tế Trung Quốc duy trì được tốc độ tăng trưởng cao liên tục trong 30 năm kể từ sau khi tiến hành cải cách mở cửa, tỉ lệ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt 9,6%. Kinh tế Trung Quốc đứng hàng đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng nhanh và thời gian tăng trưởng dài. Năm 2008, tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người của Trung Quốc đã đạt 3.292 USD, bước vào hàng ngũ các nước có mức thu nhập trung bình trên thế giới. Nhất là khi cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế năm 2007

bắt đầu lan rộng ra toàn cầu, các nước phát triển và nhiều nước đang phát triển lâm vào suy thoái và chịu sự tác động của nó, thì kinh tế Trung Quốc vẫn tăng trưởng mạnh mẽ như trước, tỉ lệ tăng trưởng GDP cả năm 2009 dự tính vượt qua mức 8%. Hơn nữa vào thời điểm đó cũng là lúc Trung Quốc kỷ niệm tròn 30 năm cải cách mở cửa và 60 năm thành lập nước. Vì thế học giả trong và ngoài nước đều đã bàn tán sôi nổi và chú ý tới “mô hình Trung Quốc” trong phát triển kinh tế, xã hội, nhằm tổng kết và đúc kết con đường, kinh nghiệm và qui luật phát triển kinh tế, xã hội của Trung Quốc, làm bài học kinh nghiệm cho thế giới tham khảo và con cháu Trung Quốc tiếp tục kế thừa sự nghiệp của cha ông.

“Mô hình” phát triển kinh tế đã được nói đến từ lâu, khi sự phát triển kinh tế của một nước hay một khu vực đạt được những thành tựu nổi bật hoặc có đặc điểm nổi bật, thì sẽ có một mô hình tương ứng được đưa ra. Ví dụ như, với Đức, Thụy Sĩ, Na Uy, Thụy Điển làm đại

biểu, “mô hình sông Rhine” nhấn mạnh vai trò của chính phủ và xã hội phúc lợi, hay còn được gọi là “mô hình CNXH dân chủ”; với Mỹ, Anh làm đại biểu, “mô hình Anglo - Saxon” nhấn mạnh kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, hay còn được gọi là “mô hình CNTB tự do”; với Nhật Bản và Hàn Quốc làm đại biểu, “mô hình Đông Á” nhấn mạnh kinh tế thị trường do chính phủ làm chủ đạo; với Mexico, Argentina làm đại biểu, “mô hình Mỹ La tinh” trong “đồng thuận Oasinhton” nhấn mạnh thực hiện nền kinh tế lấy “tư hữu hoá, phi điều tiết hoá, tự do hoá” làm đặc trưng, vì nó thất bại, nên còn bị gọi là “cạm bẫy Mỹ La tinh”; với Nga làm đại biểu, “mô hình chuyển đổi cấp tiến” nhấn mạnh “tư hữu hoá, phi điều tiết hoá, tự do hoá” nền kinh tế một cách cấp tốc vì thế mà bị thất bại, hay còn được gọi là “liệu pháp sốc”; với Liên Xô làm đại biểu, “mô hình Liên Xô” nhấn mạnh nhờ thực hiện kinh tế kế hoạch tập trung mà đạt được thành tựu to lớn, vì nó bắt đầu được thực hiện từ khi Stalin lên nắm quyền, nên còn được gọi là “mô hình Stalin”; với Việt Nam làm đại biểu, “mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN” nhấn mạnh việc lợi dụng kinh tế thị trường, còn được gọi là “mô hình Việt Nam”, v.v...

Các mô hình phát triển khác nhau tuy có những đặc điểm khác nhau, nhưng cũng có điểm giống nhau. Ví dụ như, “mô hình CNXH dân chủ” và “mô hình CNTB tự do” đều là mô hình phát triển của các nước TBCN phát triển lấy chế độ tư hữu tư bản làm nền tảng. Còn “mô hình Mỹ

La tinh” và “mô hình chuyển đổi cấp tiến” của Nga lại là mô hình phát triển của các nước TBCN đang phát triển lấy “mô hình CNTB tự do” làm khuôn mẫu, vì thế nó cũng được gọi chung là “mô hình tân tự do chủ nghĩa”. “Mô hình Đông Á” lại là mô hình phát triển của các nước TBCN đang phát triển lấy “mô hình CNXH dân chủ” làm khuôn mẫu. “Mô hình Liên Xô”, “mô hình Việt Nam”, “mô hình Trung Quốc”, và thậm chí cả “mô hình Cu Ba” đều là mô hình phát triển của các nước XHCN lấy chế độ công hữu về tài sản làm nền tảng. Nhưng điểm nổi bật của “mô hình Liên Xô” và “mô hình Cu Ba” là vai trò của biện pháp kế hoạch, còn điểm nổi bật của “mô hình Việt Nam” và “mô hình Trung Quốc” là vai trò của việc lợi dụng biện pháp thị trường.

Có thể thấy, mô hình kinh tế hay mô hình phát triển kinh tế có hai hàm nghĩa. *Một là*, phân biệt từ đặc trưng và con đường phát triển kinh tế hay công nghiệp, như khái quát dưới góc độ một nước công nghiệp hoá, đô thị hoá; *hai là*, phân biệt từ đặc trưng và nội hàm phát triển kinh tế hay thể chế kinh tế. Đương nhiên, hai cách phân biệt này có mối liên hệ và đan xen lẫn nhau, có thể phân biệt tách rời hoặc phân biệt lẫn nhau. Bài viết này chủ yếu trình bày đặc trưng và nội hàm thể chế kinh tế mô hình Trung Quốc.

II. ĐẶC TRƯNG VÀ NỘI HÀM CỦA THỂ CHẾ KINH TẾ MÔ HÌNH TRUNG QUỐC

Đặc trưng thể chế rõ nét của mô hình Trung Quốc trong phát triển kinh tế khác biệt so với các mô hình khác, đó là

chế độ phát triển kinh tế “mô hình 4 chủ”, tức chế độ sở hữu nhiều loại hình lấy công hữu làm chủ thể, chế độ phân phối nhiều yếu tố lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, chế độ thị trường đa kết cấu lấy nhà nước làm chủ đạo, chế độ mở cửa đa phương vị lấy tự lực làm chủ đạo.

Thứ nhất, chế độ sở hữu nhiều loại hình lấy công hữu làm chủ thể. Chế độ sở hữu nhiều loại hình lấy công hữu làm chủ thể. Nghĩa là, dưới tiền đề lấy chế độ công hữu làm chủ thể (bao gồm ưu thế cả về lượng và về chất của tài sản), phát triển thành phần kinh tế tư hữu trong nước và ngoài nước. Trong sự phát triển hình thái chế độ sở hữu nhiều loại hình, Trung Quốc chú trọng duy trì kết cấu chế độ sở hữu “chủ thể - phụ trợ” giữa chế độ công hữu và chế độ tư hữu. Đương nhiên, việc duy trì kết cấu sở hữu này không có nghĩa là khống chế một cách giản đơn sự phát triển của thành phần kinh tế tư hữu, mà đồng thời với việc phát triển ở mức độ thích hợp thành phần kinh tế tư hữu, sẽ củng cố, phát triển và làm lớn mạnh kinh tế đại công hữu, luôn luôn duy trì địa vị nền tảng và chủ thể của kinh tế công hữu, địa vị chủ đạo và khống chế của kinh tế quốc hữu. Địa vị nền tảng và chủ thể của kinh tế công hữu không chỉ được thể hiện bằng “*vừa có ưu thế về lượng, vừa phải có ưu thế về chất*” trong tổng tài sản xã hội, mà quan trọng hơn là nó được thể hiện bằng “*vừa có ưu thế về lượng, vừa phải có ưu thế về chất*” trong tài sản mang tính kinh doanh. Các tài sản như thu nhập tài chính, các cơ quan đơn vị y tế giáo dục công lập, các toà nhà văn phòng làm việc

của chính phủ, quân đội, tài nguyên khoáng sản trên núi ở các quốc gia lấy tư hữu là chủ thể quyền sở hữu tài sản như Mỹ đều là tài sản quốc hữu, tỉ lệ tài sản này trong tổng tài sản xã hội chiếm đa số, nhưng tài sản quốc hữu mang tính kinh doanh của Mỹ lại chiếm thiểu số cực nhỏ trong toàn bộ tài sản mang tính kinh doanh, còn tài sản công hữu như tài sản quốc hữu và tài sản tập thể của Trung Quốc lại chiếm đa số trong tài sản mang tính kinh doanh của Trung Quốc. Chức năng dịch vụ nghề nghiệp nền tảng, chức năng cấu trúc nghề nghiệp trụ cột, chức năng điều tiết tài sản lưu thông, chức năng làm mẫu khoa học kỹ thuật, chức năng sinh lợi toàn xã hội và chức năng định hướng thay đổi quyền sở hữu tài sản của thành phần kinh tế quốc hữu được thể hiện thông qua tỉ lệ số người làm việc, tỉ lệ tài sản, tỉ lệ GDP và tỉ lệ thu thuế trong nền kinh tế quốc dân. Kết cấu sở hữu của mô hình lấy công hữu làm chủ thể này của Trung Quốc tạo tiền đề và cơ sở cho kết cấu phân phối lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, kết cấu điều tiết kinh tế chịu sự chỉ đạo của nhà nước và mô hình mở cửa lấy tự lực cánh sinh làm chỗ đứng⁽¹⁾.

Thứ hai, chế độ phân phối nhiều yếu tố lấy lao động làm chủ thể. Chế độ phân phối nhiều yếu tố lấy lao động làm chủ thể nghĩa là phân phối theo lao động là chủ thể, nhiều yếu tố sở hữu có thể tham gia phân phối theo quyền sở hữu tài sản. Chế độ phân phối nhiều yếu tố lấy lao động làm chủ thể thể hiện mối quan hệ cùng coi trọng và cùng phương hướng giữa công bằng kinh tế và hiệu quả kinh

tế. Chế độ sở hữu lấy công hữu làm chủ thể đã tạo điều kiện tiên đề khả thi cho chế độ phân phối lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, còn chế độ phân phối theo lao động làm chủ thể đã bảo đảm sự tuần hoàn tốt đẹp giữa sản xuất và tiêu thụ, bảo đảm sự phát triển bền vững cho nền kinh tế. Các nước có chế độ sở hữu lấy tư hữu làm chủ thể như Mỹ lấy phân phối theo vốn làm chủ thể, chênh lệch thu nhập của các nước này chủ yếu không quyết định bởi chênh lệch thu nhập tiền lương, mà được quyết định bởi sự chênh lệch thu nhập từ tài sản do sự chiếm hữu tài sản nhiều hay ít gây ra. Theo Paul A. Samuelson và William D. Nordhaus: *“Nguyên nhân chủ yếu nhất tạo ra chênh lệch thu nhập là do có nhiều hay ít tài sản ... So với chênh lệch tài sản thì chênh lệch về tiền lương và năng lực cá nhân là nhỏ bé, không đáng kể... Chênh lệch giai cấp này cũng chưa được xóa bỏ: Ngày nay, cha mẹ của giai cấp công nhân hay tầng lớp thấp thường không có cách nào lo được học phí trong các học viện kinh tế hay các trường y khoa cho con cái họ – vì thế con cái của họ bị gạt ra khỏi toàn bộ các ngành nghề có tiền lương cao”⁽²⁾*. Hiệu quả cao không thể tách rời chế độ phân phối công bằng trên cơ sở lấy thành phần kinh tế công hữu hợp lý làm nền tảng. Sự bất công bằng của chủ nghĩa tư bản, chủ yếu được biểu hiện ở chế độ tư hữu tài sản và chế độ phân phối theo vốn cùng các hiện tượng nảy sinh từ chế độ trên. So sánh với nhau, sự bất công của chủ nghĩa xã hội truyền thống, chủ yếu thể hiện ở sự cứng nhắc của thể chế và chế độ phân

phối bình quân chủ nghĩa cùng các hiện tượng nảy sinh từ chế độ trên. Do vậy, cải cách của Trung Quốc đã đi theo mô hình thị trường phân phối theo lao động, chênh lệch thu nhập hợp lý với chế độ hưởng thù lao theo lao động được hình thành do cạnh tranh thị trường, đã có thể phát huy tối đa tiềm lực của con người, giúp cho nguồn tài nguyên sức lao động được sắp xếp một cách ưu hoá trên qui mô toàn xã hội. Phân phối theo lao động đối lập với phân phối theo vốn, xét về mặt khách quan là tương đối công bằng, hiệu quả cũng tương đối cao. Trung Quốc thực hiện kết cấu phân phối xã hội “giàu lên trước – cùng giàu có” lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, vừa nhấn mạnh dựa vào quyền sở hữu các yếu tố sản xuất như vốn, đất đai, kỹ thuật, thông tin để tham gia vào phân phối, vừa nhấn mạnh nguyên tắc và cơ chế phân phối theo lao động mang tính thị trường, thể hiện hình thái phân phối cơ bản phù hợp với sức sản xuất và sự phát triển kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay. Đặc điểm của chế độ phân phối nhiều yếu tố lấy phân phối lao động làm chủ thể này là nhấn mạnh sự công bằng của phân phối lần đầu và vai trò nền tảng của hiệu quả, sự công bằng và hiệu quả trong điều tiết tái phân phối của tài chính, thuế quốc gia có vai trò hỗ trợ. Trong điều kiện nhiều yếu tố tham gia vào phân phối, Trung Quốc cần phải chú trọng nâng cao tỉ trọng của thù lao lao động trong phân phối lần đầu, ra sức nâng cao thu nhập của người có thu nhập vừa và thấp, từng bước nâng cao mức lương tối thiểu, không ngừng hoàn

thiện cơ chế tăng lương thường xuyên và cơ chế bảo đảm thanh toán cho công nhân viên trong các doanh nghiệp, không ngừng nâng cao trình độ an sinh xã hội và tiêu chuẩn phúc lợi xã hội khác cho cư dân thành thị và nông thôn⁽³⁾.

Thứ ba, chế độ thị trường đa kết cấu lấy nhà nước làm chủ đạo. Hệ thống thị trường đa kết cấu lấy nhà nước làm chủ đạo là hệ thống thị trường phát triển một cách đa kết cấu, phát huy vai trò phân bổ nguồn lực mang tính nền tảng của thị trường, đồng thời trên cơ sở liên kết, giá rẻ, dân chủ và hiệu quả cao, phát huy vai trò chủ đạo điều tiết của nhà nước. Trung Quốc xác lập và hoàn thiện kết cấu khách thể thị trường lấy các loại hàng hoá và yếu tố sản xuất làm đối tượng trao đổi, kết cấu chủ thể thị trường lấy các loại chiếm hữu khách thể thị trường hoặc người thực hiện hoạt động trao đổi làm nội hàm, kết cấu không gian thị trường lấy phạm vi và địa điểm hoạt động của chủ thể và khách thể thị trường làm nền tảng, kết cấu thời gian thị trường lấy tính bền vững và tuần tự của điểm mở đầu và điểm kết thúc trao đổi làm đặc trưng, hình thành nên hệ thống thị trường với kết cấu hoàn chỉnh, trình tự hợp lý, cơ chế linh hoạt và ưu tiên bên mua. Đồng thời với việc duy trì và phát huy vai trò nền tảng trong điều tiết phân bổ nguồn lực của thị trường, kinh tế Trung Quốc còn chú trọng phát huy vai trò điều tiết của các biện pháp kế hoạch và chính sách tài chính, tiền tệ của nhà nước, duy trì tính ổn định, cân bằng và bền vững của nền kinh tế vĩ mô, vì tính thống nhất và tối

đa hoá lợi ích toàn cục. Dưới tiền đề liên kết, giá rẻ, dân chủ và hiệu quả cao, xác lập địa vị chủ đạo và vị trí đầu não của “chính phủ nhỏ mà mạnh”. Vừa dùng chức năng điều tiết tốt đẹp của thị trường để hạn chế việc “mất tính linh hoạt trong điều tiết của nhà nước”, vừa phải dùng chức năng điều tiết tốt của nhà nước để điều chỉnh “*mất tác dụng điều tiết của thị trường*”, thực hiện cơ chế điều tiết hai tầng “nền tảng - chủ đạo”, hình thành cục diện “hai mạnh” - thị trường mạnh và chính phủ mạnh, thể hiện chức năng và vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước mạnh hơn và lớn hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa.

Thứ tư, chế độ mở cửa đa phương vị lấy tự lực làm chủ đạo. Chế độ mở cửa đa phương vị lấy tự lực làm chủ đạo nghĩa là phải xử lý tốt mối quan hệ giữa việc thu hút nguồn vốn và kỹ thuật nước ngoài với việc phát triển một cách tự lực cánh sinh quyền sở hữu trí tuệ tự chủ và tận dụng hiệu quả nguồn vốn trong nước, thực hiện mối quan hệ trao đổi kinh tế trong nước và ngoài nước lấy nhu cầu trong nước làm chủ đạo đồng thời kết hợp với nhu cầu ngoài nước, thúc đẩy chuyển đổi từ mô hình mở cửa thô sơ chạy theo thu hút số lượng sang mô hình mở cửa theo tiêu chí thu hút chất lượng có hiệu quả và lợi ích. Trong quá trình mở cửa đối ngoại, Trung Quốc vừa nhấn mạnh việc tích cực lợi dụng nguồn vốn, kỹ thuật và nhân tài của nước ngoài, vừa nhấn mạnh độc lập tự chủ và tự lực cánh sinh, chủ trương “*tự lực cánh sinh làm chủ, tranh thủ viện trợ nước ngoài là phụ*”, đồng thời biến nó thành phương

châm cơ bản của công cuộc xây dựng hiện đại hoá và mở cửa đối ngoại. Trên cơ sở độc lập tự chủ và dựa vào sức mạnh trong nước, Trung Quốc từng bước thực hiện mở cửa đa phương vị với các nước đang phát triển và các nước phát triển (ngoài ra còn mở cửa song phương trong nội địa với khu vực Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan), mở cửa đa tầng nấc đối với ngành nghề thứ 3 (dịch vụ), ngành nghề thứ 2 (công nghiệp và xây dựng), ngành nghề thứ nhất (nông nghiệp), mở cửa đa phương diện đối với hàng hoá, dịch vụ, vốn và kỹ thuật, đồng thời mở cửa đa vùng đối với khu vực miền Đông, miền Trung và miền Tây. Trung Quốc chú trọng trên cơ sở kết hợp ưu thế tương đối với ưu thế cạnh tranh, chú tâm thiết kế và điều tiết chiến lược và sách lược thu hút vốn, kỹ thuật và nhân tài, tăng cường trình độ tự chủ sáng tạo, ra sức phát triển các công ty xuyên quốc gia dân tộc và các tập đoàn doanh nghiệp dân tộc với “mô hình 3 khống chế” – khống chế cổ phần, khống chế kỹ thuật (đặc biệt là kỹ thuật then chốt), khống chế thương hiệu (đặc biệt là các thương hiệu nổi tiếng), đặc biệt coi trọng bồi dưỡng và phát huy ưu thế quyền sở hữu trí tuệ. Mục đích là tạo ra một Trung Quốc là công xưởng của thế giới chứ không phải là công xưởng gia công của thế giới, đồng thời với việc tranh thủ thu hút hàng hoá, dịch vụ, vốn và kỹ thuật vào Trung Quốc, nỗ lực đi ra ngoài, tích cực tham gia vào hợp tác quốc tế và cạnh tranh quốc tế, để thực hiện chuyển đổi mô hình từ một nước lớn về thương mại trở thành cường quốc thương mại, từ một

nước lớn về kinh tế trở thành một cường quốc kinh tế.

III. QUÁ TRÌNH VÀ TÍNH CHẤT CẢI CÁCH THỂ CHẾ KINH TẾ MÔ HÌNH TRUNG QUỐC

Đặc trưng thể chế kinh tế mô hình Trung Quốc nói trên đã chỉ rõ, mô hình Trung Quốc trong phát triển kinh tế là một mô hình phát triển kinh tế XHCN đặc sắc Trung Quốc rõ nét. Quả thực, Trung Quốc là nước đang phát triển lớn nhất thế giới, mô hình Trung Quốc trong phát triển kinh tế vừa là mô hình của một nước lớn đang phát triển; Bên cạnh đó, Trung Quốc lại là nước đang thực hiện chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch XHCN sang thể chế kinh tế thị trường XHCN, vì thế mô hình Trung Quốc trong phát triển kinh tế còn là mô hình chuyển đổi thể chế kinh tế. Nói tóm lại, mô hình thể chế Trung Quốc trong phát triển kinh tế là mô hình CNXH đặc sắc Trung Quốc của một nước lớn đang phát triển.

Phân tích thêm bước nữa, so sánh cải cách thể chế kinh tế với chuyển đổi mô hình của Trung Quốc với Nga. *Trước hết*, mục tiêu và định vị cải cách thể chế kinh tế và chuyển đổi mô hình của hai nước không giống nhau. Mục tiêu cải cách kinh tế và chuyển đổi mô hình của Trung Quốc là xây dựng kinh tế thị trường XHCN, còn của các nước như Nga là xây dựng kinh tế thị trường TBCN, vì thế hai nước có những đặc trưng thể chế khác nhau. Phương hướng cải cách của các nước như Nga là hình thái phân phối phân hoá hai cực với hình thái sở hữu

hỗn hợp lấy tư hữu làm chủ thể và phân phối theo vốn làm chủ thể, hình thái điều tiết thị trường tân tự do chủ nghĩa (thời đại Boris Yeltsin) hay chủ nghĩa John Maynard Keynes (thời đại Putin) và hình thái kinh tế mở cửa dựa vào phương Tây.

Thứ hai, quá trình và con đường cải cách thể chế kinh tế và chuyển đổi mô hình của các nước như Trung Quốc và Nga khác nhau. Về tốc độ cải cách thể chế kinh tế và chuyển đổi mô hình, Trung Quốc lấy tiệm tiến làm chủ, còn các nước như Nga lại lấy cấp tiến làm chủ; về bước đi của cải cách thể chế kinh tế và chuyển đổi mô hình, Trung Quốc thí điểm ở từng khu vực và thúc đẩy từng bước, tức là thử nghiệm xem có sai hay không và từ điểm tới điểm, còn các nước như Nga là “một bước đến đích” sau đó dần dần sửa chữa; về trình tự cải cách thể chế kinh tế và chuyển đổi mô hình, Trung Quốc lấy xây trước phá sau làm chủ, còn các nước như Nga lấy phá trước xây sau làm chủ; về phương thức cải cách thể chế kinh tế và chuyển đổi mô hình, Trung Quốc lấy coi trọng cả cưỡng chế và dẫn dắt chỉ đạo, các nước như Nga là mô hình cưỡng chế và mệnh lệnh, v.v...⁽⁴⁾ Mô hình Trung Quốc trong phát triển kinh tế đã là một mô hình phát triển CNXH, mô hình chuyển đổi và mô hình phát triển của các nước kém phát triển có ưu thế tương đối rõ rệt, đương nhiên sẽ là tấm gương và hình mẫu cho các nước XHCN, các nước đang phát triển và các nước đang thực hiện chuyển đổi mô hình noi theo. Với tư cách là một mô hình phát triển kinh tế thành công, trong một chừng mực nhất định mô hình

Trung Quốc cũng mang ý nghĩa phổ biến, như một số học giả, chuyên gia nước ngoài đã nói, nó cũng có thể được coi là tấm gương cho các nước phát triển.

Thông thường người ta hay chú ý nhiều hơn tới những đặc điểm khác nhau của các mô hình phát triển, những đặc điểm này đã phân biệt ra các mô hình phát triển khác nhau. Nhưng cho dù là cùng một mô hình phát triển, các học giả trong nước và nước ngoài đứng trên các lập trường và góc độ quan sát khác nhau, cũng đưa ra những kết luận không hoàn toàn giống nhau. Ngay cả học giả Trung Quốc cũng có cách nhìn không giống nhau về mô hình phát triển kinh tế của Trung Quốc. Như một số công trình nghiên cứu cho rằng, cải cách và phát triển thể chế kinh tế Trung Quốc đã tuân theo “mô hình tân tự do chủ nghĩa”. Những công trình nghiên cứu này chỉ mới nhìn thấy, trong quá trình Trung Quốc thực hiện chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch XHCN tập trung cao độ truyền thống sang thể chế kinh tế thị trường XHCN, quả thực đã học theo một vài lý luận thông thường và chính sách của kinh tế học phương Tây, trong đó có chủ nghĩa tân tự do về nền kinh tế thị trường. Đồng thời trong thực tiễn từ chỗ quá nhấn mạnh lợi ích quốc gia và tập thể trong quá khứ chuyển sang chú trọng một cách thích hợp lợi ích của bộ phận và cá thể, từ chỗ dường như chỉ là kinh tế công hữu đơn thuần chuyển sang giảm một cách thích hợp tỉ trọng kinh tế công hữu và bắt đầu thực hiện hình thức chế độ công hữu nhiều thành phần, khuyến khích, giúp đỡ và dẫn dắt các thành phần kinh tế tư hữu cá thể, kinh

tế tư doanh và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển. Do đó, những công trình nghiên cứu này cho rằng cải cách mở cửa của Trung Quốc đã tuân theo logic kinh tế học chủ lưu của phương Tây và các chủ trương chính sách của nó. Trên thực tế, nếu tuân theo logic hạt nhân của kinh tế học chủ lưu phương Tây và các chủ trương chính sách của nó, Trung Quốc không thể kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản lấy chế độ công hữu làm chủ thể và lấy phân phối theo lao động làm chủ thể. Nếu tuân theo logic hạt nhân trong kinh tế học của chủ nghĩa tân tự do, thực hiện nền kinh tế thị trường với chủ nghĩa thị trường chính thống, tương tự cũng sẽ không thể kiên trì và hoàn thiện hệ thống điều tiết và nâng cao trình độ điều tiết của nhà nước XHCN, cũng không thể không ngừng nâng cao trình độ mở cửa đối ngoại độc lập tự chủ và lấy tự lực cánh sinh làm chỗ đứng, từng bước chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế đối ngoại. Hiển nhiên, chỉ dựa vào “thuyết mô hình tân tự do chủ nghĩa” mang tính chất công khai chủ yếu trong phát triển kinh tế Trung Quốc thì chưa thể nắm vững được đặc trưng chủ yếu trong sự phát triển kinh tế Trung Quốc. Cách nói “*cải cách và phát triển kinh tế Trung Quốc lấy lý luận phương Tây làm chỉ đạo là không phù hợp với thực tế*”, đồng thời, cũng “*sẽ có thể chỉ đạo sai lầm phương hướng cải cách và phát triển kinh tế Trung Quốc*”⁽⁵⁾.

Đồng thời cũng phải nhận rõ, những thành tựu to lớn mà Trung Quốc đạt được trong 30 năm cải cách mở cửa, không những không phải là kết quả của

việc tuân theo kinh tế học chủ lưu phương Tây và hệ thống chính sách kinh tế kết tinh của nó, mà hơn nữa, những vấn đề đã xuất hiện như chênh lệch ngày càng mở rộng trong thu nhập và chiếm hữu tài sản, khai thác mang tính huỷ hoại và sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, thất thoát tài sản công hữu, điều kiện lao động của những công nhân viên trong các doanh nghiệp tư hữu xấu đi, hủ bại lan tràn, lại chính là kết quả do việc chịu ảnh hưởng từ lý luận và chính sách của kinh tế học chủ lưu phương Tây lấy kinh tế học tân tự do chủ nghĩa làm đại biểu. Các doanh nghiệp do các nhà kinh tế học chủ lưu phương Tây đề xướng chỉ theo đuổi tối đa hoá lợi nhuận một cách phiến diện, dẫn đến việc các doanh nghiệp không chú trọng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, mặc sức xả rác thải sản xuất gây ô nhiễm, hạ thấp đến mức tối đa tiền lương và điều kiện lao động, thậm chí sản xuất và đem bán hàng giả, hàng kém chất lượng, làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của người dân. Thuyết cá nhân kinh tế⁽⁶⁾ do kinh tế học chủ lưu phương Tây đề xướng nhấn mạnh việc theo đuổi tối đa hoá lợi ích cá nhân, khiến cho chủ thể hành vi kinh tế không trung thực, ăn bớt của công đút túi riêng, hối lộ và nhận hối lộ, buôn lậu và bán lậu, thậm chí là bạo lực phạm tội v.v... Nguyên nhân chênh lệch chiếm hữu tài sản và thu nhập mở rộng quá mức là ở quyền sở hữu tài sản của các doanh nghiệp tư hữu trong và ngoài nước và ở chế độ phân phối lần đầu, đồng thời làm ảnh hưởng tới hành

vì của các bộ ngành chủ quản, tự mình thổi phồng một cách không hợp lý thu nhập của tầng lớp những người làm quản lý trong các doanh nghiệp quốc hữu.

Ở đây có một lí luận mang tính then chốt và vấn đề nan giải về chính sách cần được phân tích và nhấn mạnh sâu thêm. Doanh nghiệp công hữu, đặc biệt là sự điều chỉnh bố cục, kết cấu và ngành nghề của doanh nghiệp quốc hữu, thậm chí một số doanh nghiệp quốc hữu phá sản đóng cửa, là để phát triển và làm lớn mạnh hơn nữa thành phần kinh tế đại công hữu, không thể lấy đó để nói một cách qua loa đại khái rằng hiệu quả của thành phần kinh tế công hữu là thấp. Tương tự như vậy, một số doanh nghiệp tư hữu phá sản đóng cửa, không thể chứng minh một cách trực tiếp hiệu quả của doanh nghiệp tư hữu thấp. Những thành tựu to lớn mà Trung Quốc đạt được trong 30 năm cải cách mở cửa là kết quả của nhiều thành phần kinh tế lấy kinh tế công hữu làm chủ thể cùng phát triển một cách thành công, đã thể hiện một cách đầy đủ hiệu quả lợi ích tổng thể bên trong và bên ngoài, vì mô và vĩ mô của thành phần kinh tế công hữu. Bởi vì địa vị chủ thể của kinh tế công hữu cùng vai trò chủ đạo và sức không chế của kinh tế quốc hữu đã bảo đảm địa vị chủ thể của chế độ phân phối theo lao động và sự tuần hoàn tốt giữa sản xuất và tiêu dùng, từ đó đã bảo đảm duy trì kinh tế quốc dân phát triển vừa tốt vừa nhanh một cách lâu dài. Ngược lại, kinh tế thị trường lấy chế độ tư hữu TBCN làm nền tảng, là sự phân hoá hai cực giữa phân phối theo vốn làm chủ thể và phân phối thu nhập, tất nhiên sẽ làm xuất hiện

hiện tượng tiêu dùng một cách có hiệu quả thiếu và sản xuất tương đối dư thừa, từ đó nền kinh tế luôn luôn bị khủng hoảng không dứt, vì thế không thể nào duy trì sự phát triển với tốc độ cao một cách lâu dài. Nếu như cải cách và phát triển thể chế kinh tế của Trung Quốc tuân theo “mô hình tân tự do chủ nghĩa”, tương tự như vậy sẽ không thể thoát khỏi số phận thất bại của “mô hình Mỹ La tinh”, tất nhiên bao gồm việc xảy ra khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế. Hiện nay, Trung Quốc chưa xảy ra khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế, mà mới chỉ chịu ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau từ khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế phương Tây, đồng thời có thể duy trì tốc độ phát triển nhanh liên tục 8% trở lên, điều đó đã nói lên ưu thế của mô hình Trung Quốc, cũng nói lên Trung Quốc đã không tuân theo “mô hình tân tự do chủ nghĩa” trong cải cách và phát triển thể chế kinh tế.

Còn có những công trình nghiên cứu cá biệt cho rằng, cải cách và phát triển thể chế kinh tế Trung Quốc đã tuân theo “mô hình CNXH dân chủ” lấy Thụy Điển làm đại biểu. “Thuyết mô hình CNXH dân chủ” chỉ nhìn thấy sự phát triển của thành phần kinh tế phi công hữu của Trung Quốc, chứ không nhìn thấy địa vị chủ thể của thành phần kinh tế công hữu và vai trò khống chế chủ đạo của kinh tế quốc hữu; chỉ nhìn thấy Trung Quốc cho phép một bộ phận người giàu lên trước, chứ không thấy chế độ phân phối theo lao động làm chủ thể của Trung Quốc, hơn nữa cuối cùng phải xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ phân hoá hai cực và thực hiện

cùng giàu có; chỉ nhìn thấy điểm giống nhau giữa kinh tế thị trường XHCN và kinh tế thị trường TBCN, chứ không thấy sự khác biệt về tính chất và bản chất của chúng, tức là kinh tế thị trường XHCN hay kinh tế hỗn hợp được xây dựng trên cơ sở lấy chế độ công hữu làm chủ thể, còn kinh tế thị trường TBCN hay kinh tế hỗn hợp được xây dựng trên cơ sở lấy chế độ tư hữu làm chủ thể; chỉ thấy lấy chế độ an sinh phúc lợi để xoa dịu mâu thuẫn giữa tư bản và lao động của chủ nghĩa tư bản, cải thiện tình hình cuộc sống của giai cấp làm thuê có ý nghĩa tích cực, chứ không nhìn thấy chủ nghĩa tư bản phúc lợi là một chính sách và tư tưởng cải lương được thực hiện một cách cấp bách trong ván cờ giữa chủ thuê và người làm thuê, chứ không thay đổi một cách cơ bản chế độ kinh tế bóc lột người làm thuê. Có thể thấy, “thuyết mô hình CNXH dân chủ” trong cải cách của Trung Quốc là cách nhìn phiến diện về cải cách và phát triển kinh tế của Trung Quốc, đã sai lầm khi cho rằng sự phát triển kinh tế Trung Quốc tuân theo và sẽ phải tuân theo “mô hình CNXH dân chủ”, còn trên thực tế không hoàn toàn là như vậy.

Cần phải chú ý một điều là, quá trình cải cách và phát triển thể chế kinh tế của Trung Quốc luôn luôn nằm dưới sự chỉ đạo lí luận kinh tế của chủ nghĩa Mác và dưới tiền đề kiên trì chế độ XHCN, một số khâu và phương diện trong cải cách quan hệ sản xuất XHCN không phù hợp với tình hình phát triển sức sản xuất xã hội, những tấm gương kinh nghiệm quản lý hợp lý và kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài đã được Trung Quốc sử dụng.

Cải cách vừa không phải là thay đổi tính chất của chế độ XHCN, phát triển cũng không phải là sao chép, rập khuôn theo mô hình phát triển của nước ngoài. Thể chế kinh tế thị trường XHCN mà Trung Quốc phải xây dựng và hoàn thiện là phải kết hợp chế độ cơ bản của CNXH và nền kinh tế thị trường, phát huy đầy đủ ưu thế của cả chế độ XHCN và ưu thế của kinh tế thị trường, đó cũng chính là nguyên nhân quan trọng giúp Trung Quốc đạt được thành tựu to lớn. Thông qua cải cách, Trung Quốc đã xóa bỏ quan niệm cho rằng chỉ có chế độ tư hữu TBCN mới có thể kết hợp được với kinh tế thị trường trong kinh tế học của giai cấp tư sản phương Tây, *“thực hiện thể chế kinh tế thị trường XHCN kết hợp giữa chế độ cơ bản của CNXH với nền kinh tế thị trường, là sáng kiến vĩ đại trong lịch sử phát triển của CNXH khoa học”*⁽⁷⁾, là sáng tạo lí luận quan trọng trong kinh tế chính trị học của Chủ nghĩa Mác. Vì vậy, nếu nói mô hình phát triển kinh tế của Trung Quốc là “mô hình Trung Quốc”, thì mô hình này không còn nghi ngờ gì nữa là mô hình phát triển của CNXH. Vì nó mang đặc sắc Trung Quốc, nên có thể gọi là mô hình phát triển kinh tế XHCN đặc sắc Trung Quốc (tương ứng với phát triển chính trị, phát triển văn hoá và phát triển xã hội, còn có mô hình phát triển chính trị XHCN đặc sắc Trung Quốc, mô hình phát triển văn hoá XHCN đặc sắc Trung Quốc và mô hình phát triển xã hội XHCN đặc sắc Trung Quốc, gọi chung là mô hình phát triển CNXH đặc sắc Trung Quốc). Xét về đặc trưng rõ nét của mô hình này đó là sự kết hợp giữa vốn công

hữu và kinh tế thị trường, mô hình Trung Quốc trong phát triển kinh tế còn có thể gọi là mô hình kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc.

Cuối cùng phải nói rõ rằng, đằng sau sự hình thành mô hình phát triển mang đặc trưng nổi bật, cần phải có tính ổn định tương đối; cải cách thị trường hoá quá độ một cách không thích hợp có thể đi theo hướng phiến diện. Theo qui định trong các văn kiện Trung ương, trước năm 2010 là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, vì thế theo quan điểm của người viết, cho dù cải cách và hoàn thiện là không có giới hạn, nhưng cải cách thể chế kinh tế với qui mô lớn sẽ cơ bản kết thúc, Trung Quốc sẽ bước vào thời kỳ phát triển ổn định và cải cách điều tiết vi mô “*cải cách hậu phương hướng thị trường*”, sẽ lấy phát triển để thống lĩnh toàn cục.

NGUYỄN THANH GIANG dịch

CHÚ THÍCH:

(1) Trình Ân Phú, Hà Can Cường: “*Kiên trì chế độ kinh tế cơ bản lấy công hữu làm chủ thể, kinh tế nhiều loại hình sở hữu cùng phát triển*”, “*Kinh tế học trường phái Thượng Hải*”, tập 24 năm 2008.

(2) Paul A. Samuelson và William D. Nordhaus: “*Kinh tế học*”, Nxb Phát triển Trung Quốc, xuất bản năm 1992, tr.1252 - 1253

(3) Chu Diệu Khoan, Chu Hải Bình: “*Bắt đầu từ việc hoàn thiện chế độ phân phối, hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản*”, “*Kinh tế học trường phái Thượng Hải*”, tập 23 năm 2008.

(4) Trình Ân Phú, Lý Tân, Eldar Ryazanov, Shirokorad: “*Giới học giả kinh tế hai nước Trung - Nga bàn luận về cải cách kinh tế Trung - Nga*”, Nxb Khoa học kinh tế, xuất bản năm 2000, tr.14.

(5) Lưu Quốc Quang: “*Cách nhìn đối với một số vấn đề trong việc dạy và nghiên cứu kinh tế học*”, “*Chiến tuyến lí luận trong các trường cao đẳng đại học*”, số 9 năm 2005.”

(6) Học Thuyết chủ nghĩa cá nhân trong kinh tế xem mỗi cá nhân được quyền tự quyết trong các quyết định kinh tế của mình, độc lập với cá quyết định do nhà nước hoặc cộng đồng đề ra. Thuyết cá nhân kinh tế chủ trương sở hữu tư nhân về tài sản, đối lập với các cơ cấu tổ chức tập thể hay nhà nước CNTB thường được nói đến như là một hệ thống kinh tế dựa trên những quan điểm này.

(7) Nhóm đề tài nghiên cứu Chủ nghĩa Mác Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc: “*30 sự kiện lớn có ảnh hưởng nhất đến sự phát triển lí luận Chủ nghĩa Mác Trung Quốc trong 30 năm cải cách mở cửa*”, “*Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác*”, số 1 năm 2009.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Quốc Quang: “*Biểu hiện của Trung Quốc trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay và hệ thống mô hình CNXH đặc sắc Trung Quốc*”, “*Chiến tuyến lí luận trong các trường cao đẳng đại học*”, số 5 năm 2009.

2. Trình Ân Phú, Lý Tân, Eldar Ryazanov, Shirokorad: “*Giới học giả kinh tế hai nước Trung - Nga bàn luận về cải cách kinh tế Trung - Nga*”, Nxb Khoa học kinh tế, năm 2000.

3. Trương Vũ: “*Hàm nghĩa và ý nghĩa của mô hình Trung Quốc*”, “*Bình luận kinh tế chính trị học*”, tập 1 năm 2009.

4. Lý Bính Viêm, Hướng Cường: “*Kỳ tích Trung Quốc và ‘mô hình Trung Quốc’ – Thành tựu vĩ đại và kinh nghiệm cơ bản của Trung Quốc trong 30 năm cải cách mở cửa*”, “*Học báo Đại học Khoa học kỹ thuật Giang Tô (Nxb Khoa học xã hội)*”, số 1 năm 2009.

5. Trình Ân Phú, Cố Hải Lương chủ biên: “*Kinh tế học trường phái Thượng Hải*”, tập 22, 23, Nxb Đại học Tài chính Thượng Hải, bản xuất bản năm 2008.

